

Số: 04 /2019/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 12 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và
phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, lĩnh vực an ninh do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam).

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giải thể.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc thành phố quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này).

c) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc quận, huyện quản lý.

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

Tài sản là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 vụ việc xử lý hoặc tài sản có giá trị từ 250 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tịch thu.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuộc thành phố phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/1 vụ việc xử lý hoặc tài sản có giá trị dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc quận, huyện quyết định tịch thu (trừ các tài sản quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều này).

d) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức thực hiện theo quy định đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu như sau:

a) Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia):

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 vụ việc xử lý hoặc tài sản có giá trị từ 250 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/1 vụ việc xử lý hoặc tài sản có giá trị dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án thành phố và cơ quan thi hành án quân khu chuyển giao.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/1 vụ việc xử lý hoặc tài sản có giá trị dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án quận, huyện chuyển giao.

b) Đối với vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định tịch thu (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia):

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận, huyện ra quyết định tịch thu.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều này).

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND TP. Cần Thơ;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Chi cục VT-LT thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hiếu